

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+P3+P5	7:25	22+0+0	0+0+0		18+2+0	0+0+0	Chuyen 2 P3-P5
2		BK4+BK10+TD5	7:25	7+7+8	0+0+0		6+6+12	0+0+0	
3		BK15+BK9+P10	7:25	15+0+7	0+0+0		5+6+11	0+0+0	
4		AMD+TD3	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
5		P9+RP1+RC3	9:25	22+0+0	0+0+0		20+0+0	0+0+0	Chuyen 2 RP1-RC3
6		P11+P9	9:25	16+6	0+0		15+7	0+0	
7		TC1+TD5+TD2	11:25	3+17+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
8		P10+BK14	11:25	19+0	0+0		17+5	0+0	
9		P2+BK3+TD3	13:25	10+11+0	0+0+0		11+6+4	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày: 2 người P2, 1 người TD5, 3 người P10
2/ 2 người P9 (Đơn vị XL và PSV) đổi ca qua TD5

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2023	TO: P2 - P3 - P5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HĐức - TDUNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	P2	66	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG THẮNG	P2					78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG HUY	P2	53-54	2	16		73	KHI	Vietnamese
4	KUPEEB M.B	P2	67	1	6		86	NIPI	Russian
5	ĐẶNG THỂ ANH	P2	64	1	5		68	NIPI	Vietnamese
6	PHAN NGỌC QUYẾT	P2	68	1	3		75	NIPI	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC PHONG	P2	63	1	4		65	TRƯỜNG V	Vietnamese
8	NGUYỄN VŨ KHÔI	P2	12-13	2	18		64	NAM TIEN	Vietnamese
9	PHẠM HOANG PHONG	P2	71	1	7		65	NAM TIEN	Vietnamese
10	TRẦN DOÀN HUƠNG	P2	60	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN ANH ĐỨC	P2	58	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ĐĂNG TUẤN	P2	57	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ THANH LONG	P2	69-70	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	62	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU PHI	P2					73	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	50-51	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	52	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	61	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG ĐỨC LINH	P2	59	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
20	PHÙNG ANH TUẤN	P2	56	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	DANG TRONG THAO	P2	55	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
22	DOAN KHAC CAN	P2	65	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	24	140	1.534	0	18		CHUYEN 2 KHACH P3-P5
2	P3	0	0	0	0	0	27	2	
3	P5	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	24	140	1.534	0	20		
WEIGHT KG				140	1.534	0			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2023	TO: BK4 - BK10 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cuong - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG DỪNG	BK4	93	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN DỪNG	BK4	95	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TIẾN	BK4	91	1	5	40	60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO ĐĂNG ĐỨC	BK4	92	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẠO QUANG THIẾT	BK4	94	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VĂN MINH	BK4	200,99	2	15		60	CODIEN	Vietnamese
7	LÊ TUẤN ANH	BK4	96	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	97	1	5		70	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH CÔNG	BK4	98	1	5		69	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	87	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ XUÂN THUY	BK10	84	1	5	50	67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HOÀNG GIANG	BK10	86	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO TUẤN HÙNG	BK10	85	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10					80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC LONG	BK10	92-93	2	10		67	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	88	1	5		68	PSV	Vietnamese
17	VŨ NGUYỄN KHANG	TD5	95	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
18	LƯU VĂN PHONG	TD5	96	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN HỖN	TD5	97-98	2	10		90	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	TD5	93	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN BẠCH TÙNG	TD5	94	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
22	TAGANOV	TD5					90	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	9	10	64	612	40	6		
2	BK10	7	7	35	500	50	6		
3	TD5	6	6	30	497	0	10		
TOTAL		22	23	129	1.609	90	22		
WEIGHT KG				129	1.609	90			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: BK15 - P10 - TD2	CREW: Nam - HTrung - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM=1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT ANH	BK15	57	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	HUYNH MINH SANG	BK15	58	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	59	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	61	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG KHA	BK15	60	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC ĐẠT	BK15	69	1	15		67	CODIEN	Vietnamese
7	TRẦN CAO TUÂN	BK15	67-68	2	14	35	67	CODIEN	Vietnamese
8	TRẦN ĐƯƠNG	BK15	73	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC BIỂU	BK15	66	1	12		65	CODIEN	Vietnamese
10	MAI ĐÌNH KHANG	BK15	70-71	2	15		50	CODIEN	Vietnamese
11	TRẦN DUY TIỀN	BK15	62-64	3	18		70	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM NHƯ SANG	BK15	78	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC DINH	BK15	74	1	15	35	80	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG ĐỨC PHONG	BK15	72	1	10		86	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRUNG	BK15	65	1	10		80	PSV	Vietnamese
16	VŨ MINH PHƯƠNG	P10					72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HỮU TÍNH	P10	600	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THANH TÙNG	P10	14	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN PHI DÂN	P10	99	1	14		58	YTE	Vietnamese
20	K LỘC	P10	15	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10					50	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HUU LUU	P10	16	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	15	19	161	1.057	70	5		
2	P10	7	5	43	460	0	11		
3	TD2	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	24	204	1.517	70	22		
WEIGHT KG				204	1.517	70			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

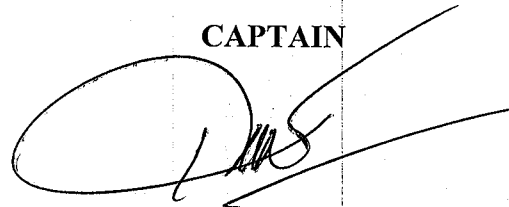
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: AMD - TD3	CREW: VThắng - N.Cương - THU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TÍNH	AMD	06-07	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒNG SƠN	AMD	05	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	VU MẠNH ĐIệp	AMD	08	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG QUANG LỘC	AMD	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	GUSEINOV MAXIM	TD3	75	1	5		76	KHOAN	Russian
6	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	81	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	74	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NHÂN	TD3	93	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ SỸ HÙNG	TD3	100	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	BUI VĂN NGHĨA	TD3	73	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TRỌNG TUYẾN	TD3	96	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN SƠN HAI	TD3	99	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN PHONG	TD3	94	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	76	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
17	VĂN TUẤN DUNG	TD3	92	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN VĂN TRÌNH	TD3	97-98	2	13		75	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HAI -81	TD3	95	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	HÀ VĂN CẢNH	TD3	77-78	2	18		63	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ANH TUẤN	TD3	79-80	2	19		76	KH-THAC	Vietnamese
22	VUÔNG KIẾN QUỐC	TD3	82-83	2	19		81	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

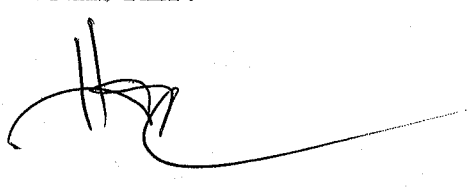
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	4	5	32	293	0	0		
2	TD3	18	20	132	1.276	0	22		
TOTAL		22	25	164	1.569	0	22		
WEIGHT KG				164	1.569	0			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2023	TO: P9 - RP1 - RC3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Nam - HTrung - MQUÂN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASYANKIN ALEXEY	P9	18	1	15		117	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN MANH HUNG	P9	12	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG MINH TAN	P9	08-09	2	15		77	YTE	Vietnamese
4	HUYNH BA NINH	P9	20	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
5	IAKIMIDI RUSLAN	P9	17	1	15		104	KH-THAC	Russian
6	TRAN THANH HAI	P9	11	1	4	4	80	KH-THAC	Vietnamese
7	LE MINH THUY	P9	06	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO DUC MINH	P9	03	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN DUY	P9	22-23	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LE MINH THUY	P9	05	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET CUONG	P9	16	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN HA	P9	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VU DINH THUAN	P9	02	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN BANG	P9	07	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN DUNG	P9	15	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
16	HO SI BINH	P9	14	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VIET THANG	P9	01	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN CU	P9					57	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN TUNG	P9	19	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN HAI	P9	04	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI NGOC THAN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN CAO CHI	P9	10	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	22	136	1.604	4	20		CHUYEN 2 PAX RP1-RC3 + 100KG HANG
2	RP1	0	0	0	0	0	1+2	+100kg	
3	RC3	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	22	136	1.604	4	21		
WEIGHT KG				136	1.604	4			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

luc' chuyen⁵⁷ pax xin pc pax ngồi ghế phụ

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: P11 - P9	CREW: ĐỨC - HĐức - TDUNG	ETA: 11:50
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY HÀ	P11	38-39	2	15		76	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VIỆT DUNG	P11	49	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	40	1	5	20	63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P11	53	1	9		102	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	43-44	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC XUÂN	P11	57-58	2	10		58	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN KIM THẠCH	P11	54-55	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN DOÀN ĐỨC	P11	56	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN SÁCH ĐƠN	P11	37	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VĂN CUÔNG	P11	52	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
11	LÂM VĂN HẠNH	P11	48	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN TRỌNG SƠN	P11	47	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG ANH THÂN	P11	45-46	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LINH	P11	50	1	5		70	PSV	Vietnamese
15	MAI VĂN TOÀN	P11	36	1	10		59	PSV	Vietnamese
16	PHẠM TOÀN VU	P11	51	1	5		73	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TRƯỜNG AN	P9	94	1	15		79	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯƠNG TUẤN ANH	P9	78-79	2	15		83	KH-THAC	Vietnamese
19	SIDORSKIY DMITRY	P9	93	1	15		93	ANTOAN	Russian
20	THAI MINH HẢI	P9	95-96	2	15		85	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	P9	78	1	8	30	74	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	P9	97	1	7	20	61	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

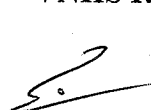
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	16	21	158	1.138	20	15		
2	P9	6	8	75	475	50	7		
TOTAL		22	29	233	1.613	70	22		
WEIGHT KG				233	1.613	70			

GRAND TOAL: 1.916 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: TTC1 - TD5 - VSP02	CREW: Hạnh - N.ANH - Q.Trường	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN LỢI	TTC1	23-24	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN MINH THÔNG	TTC1	25-26	2	11		72	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN VINH AN	TTC1	27-28	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NGA	TD5	13	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANH VU	TD5	05	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
6	TRÌNH HUY TOAN	TD5	03-04	2	8		62	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ HUY TIEN HAI	TD5	06	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÀU TRỌNG HOÀNG	TD5	01	1	2	40	70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	07	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD5	08	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	09	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN NGUYỄN	TD5	99	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VIỆT THẮNG	TD5	12	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
14	ĐOÀN CAO DANH	TD5	19	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	ĐỖ THANH HẢI	TD5	18	1	5		65	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LINH	TD5	14	1	7		65	DVL	Vietnamese
17	DƯƠNG MINH VIỆT	TD5	15	1	5		60	DVL	Vietnamese
18	LÊ VĂN NHÃN	TD5	100	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
19	VÕ ĐỨC NGHĨA	TD5	02	1	7		63	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HUNG BÌNH	TD5	16-17	2	19		56	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN SƠN	TD5	10-11	2	19		71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	3	6	44	202	0	0		
2	TD5	18	21	129	1.205	40	19		
3	VSP02	0	0	0	0	42	3		
TOTAL		21	27	173	1.407	82	22		
WEIGHT KG				173	1.407	82			

GRAND TOAL: 1.662 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2023	TO: P10 - BK14	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: TTrung - MMinh - PTUÂN	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ANH KHOA	P10	81	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN BAO LAM	P10	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HUYNH VU	P10	80	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
4	LE NGOC NGUYEN	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH HAI	P10	75	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN DUC BA	P10					82	KH-THAC	Vietnamese
7	VU BAO TRUNG	P10	82	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN HOANG SON	P10	72	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM NGOC THANH	P10	73	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN LOI	P10	79	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN GIAP	P10	76	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN CUONG	P10	69-70	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VU DINH CUONG	P10	78	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TOAN	P10	71	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
15	LE CHI HIEU	P10	24	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN THUYET	P10	03	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TO QUANG ANH	P10	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM HIEU LIEM	P10	77	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	18	17	84	1.288	0	17		
2	BK14	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		18	17	84	1.288	0	22		
WEIGHT KG				84	1.288	0			

GRAND TOAL: 1.372 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2023	TO: BK3 - P2 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.ANH - Q.Trường	ETA: 16:20
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU DUY KHUONG	BK3	59	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN PHUOC	BK3	58	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN CONG THANH	BK3	25	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
4	VU HUU CHINH	BK3	56	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
5	LE HUY MANH	BK3	459	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU LONG	BK3	57	1	13		73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN HONG GIANG	BK3	06,64	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
8	DAO AN TU	BK3	04-05	2	15	55	60	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VIET BUNG	BK3	62	1	5		50	PSV	Vietnamese
10	DOAN THANH TRUONG	BK3	24	1	3		50	PSV	Vietnamese
11	LE XUAN HA	BK3	26	1	5		57	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN DAT	P2	51	1	5	30	57	KH-THAC	Vietnamese
13	HA VAN TRUNG	P2	49	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN SON TIEN	P2	62	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LE NGOC SON	P2	52	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NAM	P2	57-59	3	15		85	CODIEN	Vietnamese
17	PHUNG BA DE	P2	55-56	2	7		70	CODIEN	Vietnamese
18	HA QUANG HUY	P2	53-54	2	10		69	CODIEN	Vietnamese
19	HA MANH HOANG	P2	60	1	10	13	67	CODIEN	Vietnamese
20	HOANG VAN DOANH	P2	63-64	2	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	11	13	86	711	55	6		
2	P2	9	14	82	627	43	12		
3	TD3	0	0	0	0	5	4		
TOTAL		20	27	168	1.338	103	22		
WEIGHT KG				168	1.338	103			

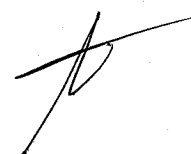
GRAND TOAL: 1.609 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM	7:25	21	0		22	0	
2		MRM+BK10	7:25	8+13	0+0		7+15	0+0	
3		PVD1+CTK3	9:25	17+5	0+0		11+11	0+0	
4		PVD1+P4	9:25	21+1	0+0		20+2	0+0	
5		P4+BK10	11:25	17+2	0+0+0		15+7	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2023	TO: MRM	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThăng - M.Dức - DTùng	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOGOMOLOV DANIL	MRM	11-12	2	12		86	AMNGR	Russian
2	PIKULSKIY TIMUR	MRM	98-99	2	7		117	AMNGR	Russian
3	KUZNETSOV DENIS	MRM	01	1	10		78	AMNGR	Russian
4	TRINH MANH LINH	MRM	16-17	2	18		75	PVD INVES	Vietnamese
5	VU TUAN ANH	MRM	18-19	2	12		70	PVD INVES	Vietnamese
6	NGUYEN DUY KHIEM	MRM	21	1	10		67	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYEN DUC THINH	MRM	300	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	03	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
9	CHU DINH THANH	MRM	23	1	10		52	DVL	Vietnamese
10	NGO THANH SON	MRM	22	1	5		75	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN BINH	MRM	20	1	5		70	PSV	Vietnamese
12	ZHESTKOV ALEXEY	MRM	09-10	2	10		88	AMNGR	Russian
13	TSVEVKOV OLEG	MRM	08	1	10		70	AMNGR	Russian
14	KIMAKOVSKIY STANISLAV	MRM	13	1	10		96	AMNGR	Russian
15	KIMAKOVSKIY MAKSIM	MRM	04	1	5		84	AMNGR	Russian
16	BASHKIN ALEKSANDR	MRM	02	1	5		98	AMNGR	Russian
17	SHCHETININ IVAN	MRM	07	1	10		75	AMNGR	Russian
18	LYMAR OLEG	MRM	14-15	2	10		75	AMNGR	Russian
19	IAREMCHENKO TARAS	MRM	97	1	10		85	AMNGR	Russian
20	RODNIKOV STANISLAV	MRM	05-06	2	10		70	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	DEPARTURE		REMARK
							ARRIVAL	CARGO	
1	MRM	20	27	184	1.595	0			
TOTAL		20	27	184	1.595	0			
WEIGHT KG				184	1.595	0			
GRAND TOTAL: 1.779 KGS									

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2023	TO: MRM - BK10	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Nam - Son - THU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	STEPANOV OLEG	MRM	66-67	2	7	100	105	AMNGR	Russian
2	SAVELEV NIKITA	MRM	71	1	14		94	AMNGR	Russian
3	KUZNETSOV VLADIMIR	MRM	72-73	2	16		92	AMNGR	Russian
4	KONDRATIUK KIRILL	MRM	70	1	18		77	AMNGR	Russian
5	AZARENKO KIRILL	MRM	65	1	13		96	AMNGR	Russian
6	MOROZOV ANDREI	MRM	68	1	9		103	AMNGR	Russian
7	BADRETDINOV EDGAR	MRM	69	1	11		74	KHOAN	Russian
8	VOROBYEV SERGEY	BK10	93	1	3		97	KHOAN	Russian
9	NGUYEN TIEN SINH	BK10	76	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VAN TRUNG	BK10	77	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DUY NAM	BK10	96	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN DUOC	BK10	98	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM CONG TIEN	BK10	94	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN QUANG HUY	BK10	79	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
15	CHU DUC AI	BK10	99	1	6		86	KHOAN	Vietnamese
16	VU NGOC LUAN	BK10					88	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VAN TAM	BK10	78	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
18	CAO VAN VIET	BK10	95	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
19	NGHIEM XUAN VIET	BK10	97	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG KIEN	BK10	700	1	7		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	MRM	7	9	88	641	100				
2	BK10	13	12	63	978	0				
TOTAL		20	21	151	1.619	100	22			
WEIGHT KG					151	1.619		100		

GRAND TOTAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: PVDI - CTK3	CREW: VThăng - M.Duc - DTung	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VIET HIEU	PVDI	98-99	2	12		65	PVD DD	Vietnamese
2	TRAN THE HIEN	PVDI	66	1	5	50	65	PVD DD	Vietnamese
3	TRAN THANH TUYEN	PVDI	49	1	5	40	70	PVDO	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG VUONG	PVDI	500	1	5		72	PVDO	Vietnamese
5	DO VAN BIEN	PVDI	45	1	5		76	PVDO	Vietnamese
6	BUI MINH TUAN	PVDI	38	1	5		72	PVDO	Vietnamese
7	PHAN VAN MANH	PVDI	41	1	5		60	PVDO	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DAI	PVDI	39	1	5		64	PVDO	Vietnamese
9	NGUYEN CONG CUONG	PVDI	37	1	5		55	PVDO	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG BANG	PVDI	50	1	5		70	PVDO	Vietnamese
11	NGUYEN KHAC LAM	PVDI	40	1	5		65	PVDO	Vietnamese
12	PHAM TAN DIEN	PVDI	44	1	5		63	PVDO	Vietnamese
13	LUU VAN MANH	PVDI	48	1	5		60	PVDO	Vietnamese
14	VU THANH TUAN	PVDI	47	1	5		84	PVDO	Vietnamese
15	DOAN VAN TUAN	PVDI	42	1	5		63	PVDO	Vietnamese
16	TRAN VAN SANG	PVDI	46	1	5		63	PVDO	Vietnamese
17	TRUONG HUY BINH	PVDI	43	1	5		65	PVDO	Vietnamese
18	DOAN QUANG CHUNG	CTK3	81	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HONG ANH	CTK3	80	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
20	LUU VAN DAN	CTK3	79	1	5		63	CODIEN	Vietnamese
21	CAO KINH THAO	CTK3	76-78	3	19		70	T-TIN	Vietnamese
22	PHAM HUU TUNG	CTK3					70	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	PVDI	17	18	92	1.132	90	11			
2	CTK3	5	6	34	330	0	11			
TOTAL		22	24	126	1.462	90	22			
WEIGHT KG					126	1.462	90			

GRAND TOTAL: 1.678 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2023	TO: PVD1 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Nam - Son - THÚ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
-----	---------	-----	-----	-----	-----	-------	--------	---------	--------

1	LE VAN GIAP	PVD1	65	1	4		69	PVDO	Vietnamese
2	LE PHUOC BUC	PVD1	62	1	5		64	PSV	Vietnamese
3	BINH DUY LONG	PVD1	06	1	11		68	PVDWS	Vietnamese
4	LE THAI VIET	PVD1	07	1	11		70	PVDWS	Vietnamese
5	PHAM BA TAN	PVD1	67-68	2	13		76	PVDO	Vietnamese
6	NGUYEN MANH TUAN	PVD1	69	1	7		50	PVD DD	Vietnamese
7	HOANG KHAC THANH	PVD1	70	1	5	15	70	PVD DD	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC QUY	PVD1	66	1	7		60	PVD DD	Vietnamese
9	TÀ KIM HAI	PVD1	63	1	5		78	PVDLOGG	Vietnamese
10	SKOROBGATKO IAN	PVD1	13-14	2	6		97	KH-THAC	Russian
11	NGUYEN TUAN MINH	PVD1	08	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TUAN NGOC	PVD1	74-75	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGO LAI THICH	PVD1	02	1	7	15	79	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC LONG	PVD1	04	1	15	13	66	XAYLAP	Vietnamese
15	THOI QUOC TUAN	PVD1	73	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI VAN TUYEN	PVD1	72	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
17	YERIK OSPANOV	PVD1	09-10	2	16		101	HALLI BUR	Kazakhstan
18	CAO XUAN TRAN	PVD1					75	HALLI BUR	Vietnamese
19	TRAN KHANH DUY	PVD1	76	1	3		65	HALLI BUR	Vietnamese
20	LE CONG KHANH	PVD1	64	1	13		65	HALLI BUR	Vietnamese
21	NGO BUC THUAN	P4	55	1	14	40	65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	PVD1	20	23	177	1.410	43			20	
2	P4	1	1	14	65	40			2	
TOTAL		21	24	191	1.475	83			22	
WEIGHT KG					191	1.475	83			

GRAND TOTAL: 1.749 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2023	TO: P4 - BK10	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hân h - NPhu - Vb	ETA: 14:00
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG NGOC LINH	P4	86	1	15		68	NAMTIEN	Vietnamese
2	DUONG NGOC PHUONG	P4	75.85	2	15		57	NAMTIEN	Vietnamese
3	NGUYEN MANH HUNG	P4	72	1	15		93	XAYLAP	Vietnamese
4	TRUONG TAN LOI	P4	92	1	15	30	81	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẶNG THẠNH LONG	P4	88-89	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN MINH TÂM	P4	90-91	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN MANH DUNG	P4	95-96	2	15		79	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG TRUNG	P4	94	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN KHANH HUNG	P4	93	1	11		71	XAYLAP	Vietnamese
10	LE TRONG TUAN	P4	71	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
11	TRINH HUU CHUNG	P4	58	1	15		86	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN KHAC DUY	P4	63-65	3	15		64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN SON	P4	73-74	2	15		84	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN NAM KHANH	P4	66-67	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
15	HOA QUANG THANG	P4	61-62	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
16	DUONG MANH CUONG	P4	68-69	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN QUOC VIET	P4	59-60	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN DINH AN	P4	87	1	15		54	PSV	Vietnamese
19	LE NGOC TIEN	P4	70	1	12		66	NAMTIEN	Vietnamese
20	DUONG QUOC VIET	BK10	01	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
21	NGO VAN SON	BK10	80-81	2	12	30	81	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	19	30	272	1.344	30	15	7	
2	BK10	2	3	19	136	30			
TOTAL		21	33	291	1.480	60	22		
WEIGHT KG				291	1.480	60			

GRAND TOTAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN